



ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU

THÁNG 10
NĂM
2023



**LUẬT THỰC HIỆN
DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM 2022**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH KON TUM



CHUYÊN ĐỀ:
GIỚI THIỆU LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM 2022

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Thế chế hóa chủ trương của Đảng tại Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

(i) Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan;

(ii) Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

(iii) Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

(iv) Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (trong đó quy định về thực hiện dân chủ tại nơi làm việc).

Các văn bản nêu trên đã quy định tương đối đầy đủ các nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước tại thời điểm ban hành, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân và của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở, tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống chính trị - xã hội ở nước ta:

Một là, kết quả thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã góp phần xây dựng môi trường chính trị dân chủ, cởi mở, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ, tạo động lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở mỗi địa phương và trên phạm vi cả nước.

Hai là, việc thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập đã làm chuyển biến về ý thức, đạo đức, phong cách, lề lối làm việc của cán bộ,

công chức, viên chức, đặc biệt là người có chức vụ, quyền hạn theo hướng gần dân, trọng dân và có trách nhiệm với Nhân dân; vai trò của cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được phát huy thông qua việc đóng góp ý kiến xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển của cơ quan và đơn vị.

Ba là, thông qua thực hiện dân chủ tại các loại hình doanh nghiệp đã bảo đảm quyền của người lao động được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát và được quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cải thiện đời sống của người lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thời gian qua sau khi đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, Đảng đã có nhiều chỉ đạo cụ thể liên quan đến phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và yêu cầu hoàn thiện thể chế về dân chủ ở cơ sở⁽¹⁾; Hiến pháp năm 2013 và các luật ban hành sau Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới liên quan đến quyền làm chủ và quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của Nhân dân. Đồng thời, thực tiễn thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời gian qua đã bộc lộ những bất cập, hạn chế như:

(i) Nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

(ii) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thực hiện dân chủ ở cơ sở được quy định ở nhiều văn bản có giá trị pháp lý khác nhau, chưa đồng bộ, thống nhất, toàn diện;

(iii) Trách nhiệm bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở thiếu cụ thể, thiếu chế tài xử lý;

(iv) Vai trò tham gia và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đối với việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân chưa rõ ràng;

(v) Tính chủ động, sáng tạo của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được ghi nhận và đề cao...

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Cơ sở chính trị

⁽¹⁾ Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; Thông báo số 304-TB/TW ngày 22 tháng 6 năm 2000 về kết luận của Bộ Chính trị tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW; Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Thông báo kết luận số 159-TB/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 và kết luận số 65-KL/TW ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW.

- Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó nêu rõ: *“Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất”*.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011 xác định: *“Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”*.

- Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) yêu cầu: *“Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện... Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra””*.

- Kết luận số 62-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xác định nhiệm vụ: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội làm nòng cốt trong việc phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm công dân trong các tầng lớp nhân dân”*.

- Kết luận số 120-KL/TW ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã giao: *“Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dân chủ ở cơ sở”*.

- Thông báo kết luận số 160-TB/TW ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Bộ Chính trị đã giao *“Đảng đoàn Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ban cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở”*.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021) xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: *“Thực*

hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của Nhân dân"; *"Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"*. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định yêu cầu thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 với tinh thần đề cao quyền làm chủ của Nhân dân đã ghi nhận các hình thức thực hiện quyền dân chủ như *"Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước"* (Điều 6); *"Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước"* (khoản 1 Điều 28); *"Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân"* (khoản 2 Điều 28). Đồng thời, Điều 14 Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc: *"Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"*.

- Nhiều Luật được Quốc hội ban hành sau Hiến pháp năm 2013 có quy định liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở như: Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Trưng cầu ý dân năm 2015; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)...

3. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở tổng kết thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của các loại hình cho thấy quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở đã phát sinh những hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất, những hạn chế, bất cập trong thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn:

- Phạm vi nội dung phải công khai còn hạn chế, chưa phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các luật chuyên ngành. Quy định về hình thức công khai thông tin chưa phù hợp với sự phát triển của khoa học công

nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và lộ trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Phạm vi nội dung Nhân dân bàn và quyết định còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và sự kỳ vọng của Nhân dân cũng như tinh thần mở rộng dân chủ trực tiếp tại Nghị quyết của Đảng và Hiến pháp năm 2013. Nhân dân chủ yếu bàn và quyết định các nội dung do Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố đề xuất, chưa phát huy được vai trò của người dân và các chủ thể khác trong việc đề xuất những nội dung đưa ra Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp. Thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước của Ủy ban nhân dân cấp huyện còn bất cập, chưa bảo đảm tính hợp lý trong phân cấp thực hiện nhiệm vụ, thủ tục hành chính phức tạp ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực hiện; chưa đồng bộ với quá trình tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao năng lực của chính quyền địa phương cấp xã nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nói riêng.

- Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định nếu số lượng người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp nên chưa bảo đảm tính minh bạch, tôn trọng và phát huy ý kiến Nhân dân, đồng thời Pháp lệnh chưa quy định cụ thể, rõ ràng về hình thức và hiệu lực thi hành quyết định của Nhân dân.

- Nội dung tham gia của Nhân dân vào các hoạt động của chính quyền cơ sở và của các cấp chính quyền, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng, ban hành các quyết định hành chính còn hạn chế; cơ chế đối thoại giữa chính quyền và người dân chưa được thực hiện thường xuyên, hiệu quả dẫn đến tình trạng khiếu nại, khởi kiện các quyết định hành chính, đặc biệt là về đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng...

- Pháp lệnh chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể trong tổ chức thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, do đó, khi có vi phạm xảy ra, việc xử lý vi phạm còn hạn chế, bị động. Quy định về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia trực tiếp vào việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân chưa được quy định rõ, cụ thể.

Thứ hai, những hạn chế, bất cập trong thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội:

- Việc thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội được quy định tại nhiều văn bản có giá trị

pháp lý khác nhau⁽²⁾. Trong khi đó, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có nhiều điểm tương đồng trong quản lý hành chính nội bộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, điều này tạo nên sự không đồng bộ, thống nhất trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

- Quy định về đối tượng thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập chưa bảo đảm tính bao quát; một số cơ quan, đơn vị mặc dù thực tế áp dụng Nghị định số 04/2015/NĐ-CP nhưng chưa được ghi nhận đầy đủ trong quy định của pháp luật...

- Quy định của pháp luật về dân chủ trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu các chế tài phê bình, kỷ luật đối với những cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt; chưa gắn kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị với kết quả đánh giá, xếp loại và thực hiện công tác cán bộ đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Hình thức giám sát, kiểm tra thực hiện dân chủ ở một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; chưa quy định hình thức giám sát, kiểm tra thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức thực hiện dân chủ tại một số cơ quan, đơn vị còn hình thức, cụ thể: Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức chưa đi sâu vào đánh giá thực trạng việc thực hiện dân chủ, chưa thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, bất cập trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị; - Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân chưa thực sự hiệu quả. Các thành viên trong Ban Thanh tra nhân dân đều hoạt động kiêm nhiệm nên khó giữ được tính độc lập, khách quan trong việc giám sát, kiểm tra hoạt động điều hành, quản lý của cơ quan, đơn vị; kinh phí hỗ trợ và điều kiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Thứ ba, những hạn chế, bất cập trong thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp:

- Một bộ phận người lao động và người sử dụng lao động nhận thức chưa đầy đủ về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ tại doanh nghiệp. Việc tham gia ý kiến của người lao động vào các quy định, quy chế có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình chưa được chủ động, có tâm lý e ngại. Việc phát huy các quyền được quyết định, quyền

⁽²⁾ Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan giao Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; giao Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của cơ quan Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động hành chính của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn các cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của mình xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

được kiểm tra, giám sát của người lao động còn nhiều hạn chế. Việc tổ chức hội nghị người lao động ở một số doanh nghiệp vẫn còn hình thức, chưa đảm bảo các nội dung theo quy định, nhất là việc công khai tài chính, các loại quỹ,...

- Chưa quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc theo dõi, giám sát, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, ngày 10 tháng 11 năm 2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 tại kỳ họp thứ 4. Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Chủ tịch nước ban hành Lệnh số 10/2022/L-CTN về công bố Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

III. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Mục tiêu

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; tiếp tục khẳng định bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, Nhân dân là người chủ của đất nước.

Thứ hai, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

Thứ ba, cụ thể hóa đầy đủ các chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn thi hành quy định của pháp luật hiện hành về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Quan điểm

Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dân chủ ở cơ sở tại Chỉ thị số 30-CT/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị; Thông báo kết luận số 160-TB/TW và các văn bản có liên quan.

Hai là, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Ba là, kế thừa, phát triển và hoàn thiện những quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được thực tiễn kiểm nghiệm là hợp lý, đúng đắn, hiệu quả; sửa đổi những quy định mà qua thực tiễn cho thấy không còn phù hợp.

Bốn là, bảo đảm phát huy dân chủ gắn với tăng cường pháp chế, kỷ cương xã hội; bảo đảm tính khả thi của dự án Luật.

IV. BỐ CỤC CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở gồm 06 chương, 91 điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung

Chương I gồm 10 điều (*từ Điều 1 đến Điều 10*), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở; phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền thụ hưởng của công dân; các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Chương II. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Chương II gồm 04 mục, 35 điều.

2.1. Mục 1. Công khai thông tin ở xã, phường, thị trấn

Mục 1 gồm 04 điều (*từ Điều 11 đến Điều 14*), quy định về: Những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai; hình thức và thời điểm công khai thông tin; lựa chọn hình thức công khai thông tin; trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin.

2.2. Mục 2. Nhân dân bàn và quyết định

Mục 2 gồm 10 điều (*từ Điều 15 đến Điều 24*), quy định về: Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định; hình thức Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; quyết định của cộng đồng dân cư; hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư; trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư; trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

2.3. Mục 3. Nhân dân tham gia ý kiến

Mục 3 gồm 05 điều (*từ Điều 25 đến Điều 29*), quy định về: Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; hình thức Nhân dân tham gia ý kiến; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành; trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân

dân tham gia ý kiến; trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã, phường, thị trấn.

2.4. Mục 4. Nhân dân kiểm tra, giám sát

Mục 4 gồm 03 tiểu mục, 16 điều.

2.4.1. Tiểu mục 1. Nội dung, hình thức kiểm tra, giám sát

Tiểu mục 1 gồm 06 điều (*từ Điều 30 đến Điều 35*), quy định về: Nội dung kiểm tra, giám sát; hình thức kiểm tra, giám sát; hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư; xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân; trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát.

2.4.2. Tiểu mục 2. Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

Tiểu mục 2 gồm 05 điều (*từ Điều 36 đến Điều 40*), quy định về: Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

2.4.3. Tiểu mục 3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Tiểu mục 3 gồm 05 điều (*từ Điều 41 đến Điều 45*), quy định về: Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Chương III. Thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị

Chương III gồm 04 mục, 18 điều.

3.1. Mục 1. Công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị

Mục 1 gồm 03 điều (*từ Điều 46 đến Điều 48*), quy định về: Những nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai; hình thức và thời điểm công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị; trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở cơ quan, đơn vị.

3.2. Mục 2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định

Mục 2 gồm 04 điều (*từ Điều 49 đến Điều 52*), quy định về: Những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định; hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định; tổ chức hội

nghe cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; trách nhiệm trong việc tổ chức đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3.3. Mục 3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến

Mục 3 gồm 03 điều (*từ Điều 53 đến Điều 55*), quy định về: Những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến; trách nhiệm trong việc tổ chức đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến.

3.4. Mục 4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát

Mục 4 gồm 02 tiểu mục, 08 điều.

3.4.1. Tiểu mục 1. Nội dung, hình thức kiểm tra, giám sát

Tiểu mục 1 gồm 04 điều (*từ Điều 56 đến Điều 59*), quy định về: Nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát; hình thức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kiểm tra, giám sát; xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; trách nhiệm trong việc bảo đảm đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát.

3.4.2. Tiểu mục 2. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị

Tiểu mục 2 gồm 04 điều (*từ Điều 60 đến Điều 63*), quy định về: Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị.

4. Chương IV. Thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động

Chương IV gồm 02 mục, 19 điều.

4.1. Mục 1. Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước

Mục 1 gồm 04 tiểu mục, 18 điều.

4.1.1. Tiểu mục 1. Công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước

Tiểu mục 1 gồm 03 điều (*từ Điều 64 đến Điều 66*), quy định về: Những nội dung doanh nghiệp nhà nước phải công khai; hình thức và thời điểm công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước; trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin ở doanh nghiệp nhà nước.

4.1.2. Tiểu mục 2. Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước bàn và quyết định

Tiểu mục 1 gồm 04 điều (*từ Điều 67 đến Điều 70*), quy định về: Những nội dung người lao động bàn và quyết định; hình thức người lao động bàn và quyết định; tổ chức hội nghị người lao động; trách nhiệm trong việc tổ chức để người lao động bàn, quyết định và thực hiện quyết định của tập thể người lao động.

4.1.3. Tiểu mục 3. Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước tham gia ý kiến

Tiểu mục 3 gồm 04 điều (*từ Điều 71 đến Điều 74*), quy định về: Những nội dung người lao động tham gia ý kiến; hình thức người lao động tham gia ý kiến; tổ chức đối thoại tại nơi làm việc; trách nhiệm trong việc tổ chức để người lao động tham gia ý kiến.

4.1.4. Tiểu mục 4. Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước kiểm tra, giám sát

Tiểu mục 4 gồm 07 điều (*từ Điều 75 đến Điều 81*), quy định về: Nội dung người lao động kiểm tra, giám sát; hình thức người lao động kiểm tra, giám sát; tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước; xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của người lao động; trách nhiệm trong việc bảo đảm để người lao động thực hiện kiểm tra, giám sát.

4.2. Mục 2. Thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài nhà nước

Mục 2 gồm 01 điều (*Điều 82*), quy định về thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước.

5. Chương V. Tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

Chương V gồm 07 điều (*từ Điều 83 đến Điều 89*), quy định về: Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam các cấp; trách nhiệm của Công đoàn Việt Nam các cấp; trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác.

6. Chương VI. Điều khoản thi hành

Chương VI gồm 02 điều (*Điều 90 và Điều 91*), quy định về: Hiệu lực thi hành; áp dụng pháp luật và quy định chuyên tiếp.

V. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phạm vi “cơ sở” được xác định là xã, phường, thị trấn và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, là nơi trực tiếp công khai thông tin, tổ chức lấy ý kiến, thực hiện các quyết định và chịu sự kiểm tra, giám sát của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

VI. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có những nội dung chính sách, quy định mới cơ bản sau đây:

1. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở bao gồm 91 điều quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

(i) Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; quyền thụ hưởng của công dân về thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nghĩa vụ kịp thời phản ánh, kiến nghị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

(ii) Quy định phạm vi thực hiện dân chủ đối với từng loại hình cơ sở.

(iii) Quy định hình thức chế tài xử lý vi phạm đối với từng nhóm chủ thể và hành vi vi phạm.

2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cụ thể hóa đầy đủ phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”

2.1. Những nội dung công khai để Nhân dân biết

Các quy định liên quan đến nội dung và hình thức công khai thông tin để dân biết ở tất cả các loại hình cơ sở theo hướng cập nhật, bổ sung các quy định tương ứng trong các luật chuyên ngành như: Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản pháp luật liên quan; bổ sung những quy định cụ thể khác nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác công khai thông tin. Cụ thể, bổ sung quy định lựa chọn hình thức công khai thông tin (Điều 13); trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc công khai thông tin (Điều 14); bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu và của cơ quan, đơn vị trong việc công khai thông tin (Điều 48); bổ sung quy định về thời gian công khai (Điều 65); quy định về trách nhiệm của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động trong việc công khai thông tin (Điều 66).

2.2. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

2.2.1. Ở cộng đồng dân cư

Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định những nội dung quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở bằng một trong các hình thức sau:

(i) Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố với thành phần tham dự gồm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố (Điều 18);

(ii) Phát phiếu biểu quyết, lấy ý kiến tới từng hộ gia đình (Điều 19);

(iii) Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức toàn thể cử tri trên địa bàn, quyết định về một số nội dung cụ thể thì thực hiện theo quy định đó (Điều 17).

Về tỷ lệ đồng thuận để quyết định của cộng đồng dân cư có hiệu lực thi hành, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở phân định rõ một số trường hợp quyết định của cộng đồng dân cư (nhất là các quyết định liên quan đến các khoản đóng góp...) được thông qua khi có 2/3 trở lên hoặc trên 50% tổng số hộ gia đình tán thành để tăng tính đồng thuận trong cộng đồng dân cư, bảo đảm hiệu lực thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư có khả năng thực hiện trên thực tế (Điều 21).

2.2.2. Tại cơ quan, đơn vị và tại tổ chức có sử dụng lao động

Bổ sung quy định cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được bàn và quyết định trong thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị (Điều 49) và các nội dung người lao động bàn, quyết định trong thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động (Điều 67). Các nội dung này được bàn và quyết định tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc hội nghị người lao động. Trường hợp không thể tổ chức hội nghị thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị, sau khi đã thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị, quyết định việc gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị hoặc người đại diện có thẩm quyền của tổ chức có sử dụng lao động quyết định việc gửi phiếu lấy ý kiến của toàn thể người lao động trong tổ chức sau khi đã thống nhất với ban đại diện của tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở (Điều 68).

2.3. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến

Các quy định liên quan đến nội dung và hình thức Nhân dân tham gia ý kiến ở tất cả các loại hình cơ sở phù hợp với các luật chuyên ngành có liên quan; đồng thời bổ sung các quy định về trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, tập thể Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong việc tổ chức thực hiện đề Nhân dân tham gia ý kiến (Điều 28), trách nhiệm tham gia của Nhân dân (Điều 29); trách nhiệm của người đứng đầu của công đoàn cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc tích cực tham gia ý kiến (Điều 55); việc tổ chức đối thoại tại nơi làm việc (Điều 73); trách nhiệm của tổ chức có sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của đảng viên, công đoàn viên, người lao động trong việc tích cực tham gia ý kiến (Điều 74).

2.4. Những nội dung Nhân dân kiểm tra, giám sát

Nội dung, hình thức Nhân dân kiểm tra, giám sát để phát huy được sự tham gia và vai trò của từng người dân trong việc kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, phát huy dân chủ, tăng tính phản biện và sức sáng tạo của Nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Theo đó, người dân kiểm tra việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đối với các nội dung mà Nhân dân đã bàn, quyết định và thực hiện giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Điều 30), của người đứng đầu, ban lãnh đạo, người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị (Điều 56) và của tổ chức có sử dụng lao động, người đại diện có thẩm quyền, ban lãnh đạo, điều hành và những người có thẩm quyền khác của tổ chức có sử

dụng lao động (Điều 75). Công dân có thể trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động lao động, sản xuất, học tập, làm việc, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động... hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (ở xã, phường, thị trấn); thông qua hoạt động của các thiết chế đại diện (đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân), qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội mà mình là thành viên cũng như các tổ chức tự quản khác tại cơ sở (Điều 31, Điều 57, Điều 76).

2.5. Những nội dung người dân thụ hưởng

Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, người dân được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan; được thông tin đầy đủ về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định (nếu có) của chính quyền địa phương mà mình được hưởng; được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội và sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương và ở cộng đồng dân cư nơi sinh sống; thành quả đổi mới, phát triển của cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động nơi làm việc; được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

3. Cơ chế bảo đảm việc thực hiện dân chủ ở cơ sở

Thế chế hóa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội “*làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ*”, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận Tổ quốc ở thôn, tổ dân phố, vai trò, trách nhiệm của công đoàn, tổ chức đại diện người lao động ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong từng việc, từng bước, từng khâu thực hiện dân chủ một cách thống nhất, xuyên suốt (Điều 23, Điều 28, Điều 40, Điều 45, Điều 52, Điều 55, Điều 63, Điều 70, Điều 78, Điều 82); bổ sung các quy định về trách nhiệm của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 24, Điều 29); quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9) và việc xử lý vi phạm pháp luật trong thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 10) nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3.1. Một số điểm mới của việc thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn

(i) Mở rộng phạm vi công khai thông tin ở cấp xã phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật hiện hành;

(ii) Đa dạng hóa hình thức công khai thông tin ở cấp xã, bổ sung một số hình thức mới như đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử; thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân; thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật, thông qua mạng xã hội...;

(iii) Mở rộng dân chủ trực tiếp tại cấp xã theo hướng bổ sung các vấn đề Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; quy định về sáng kiến đề xuất của Nhân dân;

(iv) Quy định về hình thức văn bản của cộng đồng dân cư, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản của cộng đồng dân cư; thay đổi thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã;

(v) Bổ sung quy định về trách nhiệm lấy ý kiến Nhân dân, ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trong quá trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành các quyết định hành chính liên quan đến lợi ích của cộng đồng hoặc quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ, làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành;

(vi) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục Nhân dân kiểm tra và Nhân dân giám sát.

3.2. Một số điểm mới của việc thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị

(i) Bổ sung các hình thức công khai thông tin, lấy ý kiến thông báo qua hệ thống thông tin nội bộ, đăng trên cổng, trang thông tin của cơ quan, đơn vị;

(ii) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra và giám sát;

(iii) Bổ sung hình thức giám sát thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Một số điểm mới của việc thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp

(i) Bổ sung nội dung người lao động được quyết định mức đóng các loại quỹ xã hội, từ thiện tại doanh nghiệp⁽³⁾;

⁽³⁾ Theo quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện thì quỹ xã hội, quỹ từ thiện là các tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện góp một phần tài sản nhất định. Do vậy, việc bổ sung quy định người lao động được quyết định “mức

(ii) Quy định theo hướng có sự phân biệt về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục người lao động kiểm tra và người lao động giám sát;

(iii) Bổ sung một số nội dung hiện đang được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (hình thức quyết định, kiểm tra, giám sát; một số nội dung người lao động được kiểm tra, giám sát...).

3.4. Một số điểm mới về trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở

(i) Quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở;

(ii) Quy định cụ thể trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động trong thực hiện dân chủ ở cơ sở;

(iii) Quy định kết quả thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị là căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá và xếp loại chất lượng đảng viên đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị;

(iv) Quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và chế độ báo cáo về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

(v) Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở;

(vi) Quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nói riêng; trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội và trách nhiệm của tổ chức Công đoàn trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Bên cạnh đó, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong Luật, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, nhằm khắc phục hạn chế của các Ban này trước đây và phát huy tốt vị trí, vai trò của các Ban này trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

đóng các loại quỹ xã hội, quỹ từ thiện tại doanh nghiệp” là phù hợp với tính chất hoạt động và quy định của pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện, đồng thời bảo đảm tính thống nhất với nội dung Nhân dân bàn và quyết định. Mặt khác, việc người lao động đóng các loại quỹ xã hội, từ thiện tại doanh nghiệp đã được thực hiện trên cơ sở Hướng dẫn số 1360/HD-TLĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn công đoàn tham gia và thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc.

1. Tác động chính sách của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đến người dân và xã hội

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thực hiện đồng bộ, thống nhất ba loại hình thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; việc thực hiện dân chủ tại nơi làm việc đã khắc phục căn bản những bất cập trước đây mỗi loại hình thực hiện theo một văn bản khác nhau dẫn đến tình trạng không đồng bộ, thống nhất. Đồng thời, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định cụ thể và đầy đủ phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” để mọi người dân được phát huy quyền làm chủ của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Những vấn đề cần lưu ý

Trong quá trình triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong hệ thống chính trị. Các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, trước hết là Nhà nước cần ban hành, tổ chức và thực hiện cơ chế để thực thi dân chủ và bảo đảm dân chủ của người dân, khắc phục tính hình thức trong quy định và tổ chức thực hiện.

Thứ hai, phát huy vai trò cơ chế dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, chú trọng dân chủ ở cơ sở. Dân chủ đại diện là hình thức được người dân thực hiện thông qua các cơ quan, tổ chức, cá nhân đại diện cho mình để giải quyết các công việc của Nhà nước, xã hội và Nhân dân. Dân chủ trực tiếp là việc người dân trực tiếp thực hiện các quyền dân chủ của mình được quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện dân chủ ở cơ sở có vai trò và ý nghĩa to lớn trong đời sống xã hội. Quyền làm chủ của Nhân dân chỉ có thể được hiện thực hóa khi chính Nhân dân được tạo điều kiện, đảm bảo để thực hiện tốt phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Thứ ba, phát huy dân chủ gắn với nâng cao dân trí, nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ cần phải được nâng lên ở các cấp, các ngành thông qua một loạt các hoạt động của chính quyền như công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, cải cách hành chính, công tác tiếp công dân, đối thoại, xử lý đơn thư, tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân, đạo đức công vụ, hội nghị người lao động. Dân chủ không tách rời dân trí và dân sinh, bởi dân trí và dân sinh là nền tảng để thực hành dân chủ ở cấp độ tương ứng. Mục đích của việc xây dựng và thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở là thu hút quần chúng vào hoạt động chính trị, xây dựng đảng, chính quyền và đoàn thể, làm cho người dân có cuộc sống hạnh phúc và tiến bộ. Đem lại những ứng xử văn minh và lợi ích chính đáng cho

người lao động là cách tốt nhất để các cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cho nội dung dân chủ ở cơ sở có sức sống và mang lại những giá trị thiết thực.

Thứ tư, dân chủ đi đôi với kỷ cương trật tự, kỷ luật chống vi phạm pháp luật. Dân chủ gắn với pháp chế, trật tự xã hội cần thiết, nâng cao tính pháp quyền, tuân thủ pháp luật. Cần bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và xử sự của công dân.

Thứ năm, cần gắn phát huy dân chủ với cải cách hành chính. Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính - Sáu nội dung trọng tâm này của cải cách hành chính đều nhằm hướng tới xây dựng một nền hành chính dân chủ, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân được tốt nhất.

VII. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 346/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

1. Mục đích

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

- Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước.

- Nâng cao nhận thức về Luật và trách nhiệm của các cấp, các ngành, Nhân dân và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thi hành Luật.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

- Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

- Xác định lộ trình cụ thể để bảo đảm từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, Luật và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật được thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện triển khai thi hành Luật.

2. Nội dung

2.1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và tập huấn nội dung Luật

- Tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật đối với các cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật tại các địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Biên soạn tài liệu phổ biến, quán triệt nội dung của Luật.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật.

2.2. Xây dựng văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật; xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở

- Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

- Xây dựng Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc cấp kinh phí cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Ban hành văn bản quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ các cơ quan của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

- Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

- Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2.3. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, hết hiệu lực thi hành hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật.

2.4. Tổ chức theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thi hành Luật.

3. Tổ chức thực hiện

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này. Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình. Hằng năm, trước ngày 01 tháng 12 hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch để triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

- Kinh phí bảo đảm để triển khai thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan tổ chức có liên quan và địa phương được phân công chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí, bảo đảm ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch này.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các bộ, ban, ngành, đoàn thể và địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Nội vụ để tổng hợp hướng dẫn hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./
